

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**  
**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**đã được soát xét**  
**Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 28

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần City Auto (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 13 ngày 04/3/2021 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

### **Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:**

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

### **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính là:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch	
Ông Trần Lâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Thành viên	(bổ nhiệm từ 26/6/2021)
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên	(bổ nhiệm từ 26/6/2021)
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên	(miễn nhiệm từ 15/3/2021)
Ông Trần Trung Chánh	Thành viên	(miễn nhiệm từ 26/6/2021)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Trung Chánh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Lê Thị Thương Thương	Trưởng ban	
Ông Lê Danh Thủ	Thành viên	(bổ nhiệm từ 26/6/2021)
Bà Lê Thị Ngọc Huyền	Thành viên	(bổ nhiệm từ 26/6/2021)
Bà Phạm Thị Mỹ Dung	Thành viên	(miễn nhiệm từ 26/6/2021)
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên	(miễn nhiệm từ 26/6/2021)

#### **Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty đang thực hiện các thủ tục phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 nhằm tăng vốn điều lệ, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 32/2021/NQ-ĐHĐCĐ-CTF ngày 26/6/2021. Theo đó, tỷ lệ trả cổ tức năm 2019 tạm tính là 6% vốn điều lệ, tương ứng là 40.980.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng cho 6 tháng đầu năm 2021 cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Phê duyệt của Hội đồng quản trị**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2021.

Thay mặt Hội đồng quản trị



**TRẦN NGỌC DÂN**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Ngày 05 tháng 8 năm 2021

Số: 230.1/2021/DFK - BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi** Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần City Auto

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto, được lập ngày 05 tháng 8 năm 2021, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần City Auto chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên:

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần City Auto tại ngày 30/6/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0182-2018-042-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU B01a - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>416.095.394.654</b>	<b>356.795.689.144</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.01	<b>7.072.041.569</b>	<b>14.460.721.002</b>
1. Tiền	111		7.072.041.569	14.460.721.002
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>		<b>308.867.185.869</b>	<b>252.526.600.757</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	72.816.285.235	93.726.085.816
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	85.563.157.991	17.875.266.377
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	150.347.729.160	140.756.212.403
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	140.013.483	169.036.161
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	V.06	<b>97.786.435.796</b>	<b>88.113.784.447</b>
1. Hàng tồn kho	141		97.786.435.796	88.113.784.447
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>2.369.731.420</b>	<b>1.694.582.938</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	1.267.219.466	1.466.937.226
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14	1.102.511.954	227.645.712
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>700.539.950.040</b>	<b>594.814.019.909</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>63.731.243.073</b>	<b>63.731.243.073</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	63.731.243.073	63.731.243.073
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>95.203.244.494</b>	<b>96.702.244.079</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	10.920.160.909	12.372.677.162
- Nguyên giá	222		28.922.633.617	28.884.079.072
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.002.472.708)	(16.511.401.910)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	84.283.083.585	84.329.566.917
- Nguyên giá	228		84.815.124.623	84.815.124.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(532.041.038)	(485.557.706)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>230</b>		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>94.641.819</b>	<b>68.500.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	94.641.819	68.500.000
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		<b>539.180.000.000</b>	<b>431.180.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	539.180.000.000	431.180.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>2.330.820.654</b>	<b>3.132.032.757</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	2.330.820.654	3.132.032.757
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.116.635.344.694</b>	<b>951.609.709.053</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU B01a - DN

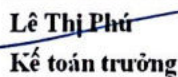
Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>354.243.010.166</b>	<b>438.696.360.324</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>354.243.010.166</b>	<b>338.696.360.324</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	29.876.674.647	13.723.983.446
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	6.875.864.938	8.462.781.610
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	989.696.226	504.955.268
4. Phải trả người lao động	314		2.819.558.899	4.076.445.288
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.122.769.676	1.873.004.123
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	6.678.205.037	7.095.871.343
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	302.576.681.639	300.530.917.982
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	2.303.559.104	2.428.401.264
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>100.000.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	-	100.000.000.000
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>V.19</b>	<b>762.392.334.528</b>	<b>512.913.348.729</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>762.392.334.528</b>	<b>512.913.348.729</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		683.000.000.000	455.399.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		683.000.000.000	455.399.680.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.152.481.800	3.152.481.800
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.239.852.728	54.361.186.929
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		54.361.186.929	35.959.441.616
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.878.665.799	18.401.745.313
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.116.635.344.694</b>	<b>951.609.709.053</b>

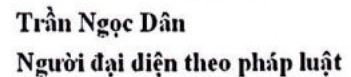
Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Trương Thị Hồng Vân  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 8 năm 2021



Lê Thị Phú  
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Dân  
Người đại diện theo pháp luật

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm 2021

MẪU B02a - DN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		946.324.424.707	809.715.808.012
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	38.272.727
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10	VI.01	946.324.424.707	809.677.535.285
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	877.244.965.711	762.300.490.689
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.079.458.996	47.377.044.596
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	12.462.793.032	18.005.288.454
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	8.474.683.423	11.440.068.244
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.474.683.423	11.440.068.244
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	39.634.489.030	34.728.637.807
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	17.121.199.028	17.236.610.934
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.311.880.547	1.977.016.065
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	6.660.986.192	468.630.500
12.	Chi phí khác	32	VI.08	428.392.756	67.932.342
13.	Lợi nhuận khác	40		6.232.593.436	400.698.158
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.544.473.983	2.377.714.223
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	665.808.184	-
16.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.878.665.799	2.377.714.223

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Trương Thị Hồng Vân  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 8 năm 2021



Lê Thị Phú  
Kế toán trưởng




Trần Ngọc Dân  
Người đại diện theo pháp luật



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2021

MẪU B03a - DN

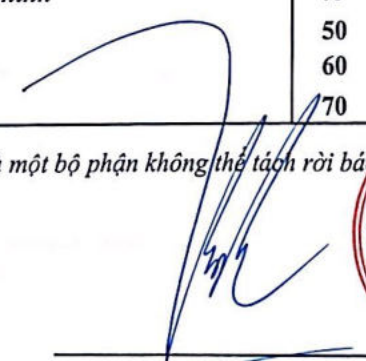
Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22.544.473.983	2.377.714.223
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.759.282.220	2.000.754.949
Các khoản dự phòng	03	-	(825.814.245)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.454.086.576)	(17.310.738.595)
Chi phí lãi vay	06	8.474.683.423	11.440.068.244
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20.324.353.050	(2.318.015.424)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(44.760.783.090)	(24.292.077.428)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(9.672.651.349)	97.165.313.045
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(87.133.898.341)	96.841.003.251
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	1.000.929.863	78.768.252
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.380.864.921)	(11.440.068.244)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(5.501.807.644)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(124.842.160)	(227.840.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(128.747.756.948)</b>	<b>150.305.275.808</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(922.403.637)	(1.808.310.547)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	627.272.727	3.645.454.546
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(108.000.000.000)	(20.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.124.768	6.745.456
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(108.287.006.142)</b>	<b>(18.156.110.545)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	227.600.320.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	711.855.205.361	613.480.370.074
Tiền trả nợ gốc vay	34	(709.809.441.704)	(742.622.749.453)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>229.646.083.657</b>	<b>(129.142.379.379)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>(7.388.679.433)</b>	<b>3.006.785.884</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.460.721.002	10.302.795.520
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.072.041.569	13.309.581.404

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

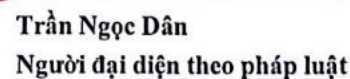


Trương Thị Hồng Vân  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 8 năm 2021



Lê Thị Phú  
Kế toán trưởng



  
Trần Ngọc Dân  
Người đại diện theo pháp luật

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 13 ngày 04/3/2021 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là CTF kể từ ngày 30/5/2017 theo Quyết định số 159/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2017.

Trụ sở chính của Công ty tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh và kho hàng hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-005;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 04 đặt tại số 12 đường số 9, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-006.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại – Dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh chính**

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**4. Số lượng nhân viên của Công ty: tại ngày 30/6/2021 là 316 người.**

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có 05 công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1 đường C2, KCN Cát Lái 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	98,53%	98,53%
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	51 Lê Hồng Phong, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Thương mại – dịch vụ	73,00%	73,00%
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	số 682A, Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	96,52%	96,52%
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Số 224, Quốc lộ 51, P. Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Thương mại – dịch vụ	95,00%	95,00%
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	216, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	90,00%	90,00%

**II. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty áp dụng theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2. Năm tài chính**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

*Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:*

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán, công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

*Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:*

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô, giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

**Dự phòng cho hàng tồn kho**

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận tải	03 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

**6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

**7. Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

**8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; lợi thế kinh doanh...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

**9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

**10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**11. Tiền lương và các khoản trích theo lương**

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

***Phân chia lợi nhuận:***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông:

***Quỹ đầu tư và phát triển:*** Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

***Quỹ khen thưởng, phúc lợi:*** Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng quản trị của Công ty.

**14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

**15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

**16. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.



*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**18. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**19. Công cụ tài chính**

***Tài sản tài chính***

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Đơn vị tính: VNĐ

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt	351.017.314	518.207.600
Tiền gửi ngân hàng	6.721.024.255	13.942.513.402
<b>Cộng</b>	<b>7.072.041.569</b>	<b>14.460.721.002</b>
<b>2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	44.817.325.224	83.113.269.355
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	20.670.523.524	93.706.723
- Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang (bên liên quan)	7.264.162.587	10.519.109.738
- Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (bên liên quan)	64.273.900	-
<b>Cộng</b>	<b>72.816.285.235</b>	<b>93.726.085.816</b>
<b>3. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
- Công ty CP Tập Đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	39.272.589.150	-
- Công ty TNHH Minh Long	30.837.695.325	1.440.084.000
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	15.246.957.984	16.275.296.800
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	205.915.532	159.885.577
<b>Cộng</b>	<b>85.563.157.991</b>	<b>17.875.266.377</b>
<b>4. Phải thu khác</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam	22.064.960.003	32.825.017.806
- Phải thu ngắn hạn tiền góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Công ty CP Easy Car	10.977.438.715	10.281.000.000
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty con	8.426.634.000	-
- Phải thu khác Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (bên liên quan)	11.497.000.000	11.497.000.000
- Phải thu khác Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang (bên liên quan)	1.650.008.571	1.698.072.813
- Phải thu khác Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	2.200.548.742	2.200.548.742
- Phải thu khác Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	2.153.677.845	-
- Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Trident Auto	6.000.000.000	6.000.000.000
- Phải thu khác từ Công ty TNHH Minh Long	2.350.292.177	-
- Phải thu khác từ Công ty TNHH New City Rental	1.200.000.000	1.200.000.000
- Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Daf Group	1.100.000.000	1.100.000.000
- Các khoản tạm ứng	5.042.714.425	2.512.871.700
- Ký quỹ cho Công ty TNHH Minh Long thực hiện cải tạo nhà xưởng	70.000.000.000	70.000.000.000
- Ký quỹ ngắn hạn khác	192.656.300	167.911.380
- Các khoản phải thu khác	5.491.798.382	1.273.789.962
<b>Cộng</b>	<b>150.347.729.160</b>	<b>140.756.212.403</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

MÃU B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

4. Phải thu khác (tiếp theo)	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký quỹ 10 năm thuê mặt bằng cho Công ty TNHH Minh Long	60.146.440.000	-	60.146.440.000	-
- Ký quỹ dài hạn khác	3.584.803.073	-	3.584.803.073	-
<b>Cộng</b>	<b>63.731.243.073</b>	-	<b>63.731.243.073</b>	-
<b>5. Tài sản thiếu chờ xử lý</b>	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
- Hàng tồn kho ở kho Bà Rịa	-	-	29.022.678	-
- Hàng tồn kho ở kho Hồ Chí Minh	67.037.809	-	67.037.809	-
- Hàng tồn kho ở kho Vũng Tàu	72.975.674	-	72.975.674	-
<b>Cộng</b>	<b>140.013.483</b>	-	<b>169.036.161</b>	-
<b>6. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	125.182.402	-	2.717.946	-
- Chi phí sản xuất dở dang	7.003.230.351	-	7.136.957.475	-
- Hàng hóa (6.1)	90.658.023.043	-	80.974.109.026	-
<b>Cộng</b>	<b>97.786.435.796</b>	-	<b>88.113.784.447</b>	-
(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Xe mới các loại			74.429.084.105	63.758.078.002
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Hồ Chí Minh			9.305.728.689	10.367.217.262
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Vũng Tàu			3.565.821.993	3.533.811.380
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Bà Rịa			3.357.388.256	3.315.002.382
<b>Cộng</b>			<b>90.658.023.043</b>	<b>80.974.109.026</b>
<b>7. Chi phí trả trước</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ			157.909.874	273.436.635
- Vật tư sơn chờ kết chuyển			405.100.501	429.474.970
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển			704.209.091	764.025.621
<b>Cộng</b>			<b>1.267.219.466</b>	<b>1.466.937.226</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ			953.778.863	1.293.789.621
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển			1.377.041.791	1.838.243.136
<b>Cộng</b>			<b>2.330.820.654</b>	<b>3.132.032.757</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Đơn vị tính: VNĐ

8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
<b>Nguyên giá</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.539.688.456	-	-	8.539.688.456
Máy móc, thiết bị	6.988.617.868	-	-	6.988.617.868
Phương tiện vận tải	12.825.108.276	896.261.818	857.707.273	12.863.662.821
Thiết bị, dụng cụ quản lý	530.664.472	-	-	530.664.472
<b>Cộng</b>	<b>28.884.079.072</b>	<b>896.261.818</b>	<b>857.707.273</b>	<b>28.922.633.617</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	7.996.608.874	128.284.270	-	8.124.893.144
Máy móc, thiết bị	5.619.471.038	491.283.035	-	6.110.754.073
Phương tiện vận tải	2.371.639.853	1.089.579.259	221.728.090	3.239.491.022
Thiết bị, dụng cụ quản lý	523.682.145	3.652.324	-	527.334.469
<b>Cộng</b>	<b>16.511.401.910</b>	<b>1.712.798.888</b>	<b>221.728.090</b>	<b>18.002.472.708</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	543.079.582			414.795.312
Máy móc, thiết bị	1.369.146.830			877.863.795
Phương tiện vận tải	10.453.468.423			9.624.171.799
Thiết bị, dụng cụ quản lý	6.982.327			3.330.003
<b>Cộng</b>	<b>12.372.677.162</b>			<b>10.920.160.909</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.562.501.978 đồng.

9. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
<b>Nguyên giá</b>				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	792.650.000	-	-	792.650.000
<b>Cộng</b>	<b>84.815.124.623</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>84.815.124.623</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	485.557.706	46.483.332	-	532.041.038
<b>Cộng</b>	<b>485.557.706</b>	<b>46.483.332</b>	<b>-</b>	<b>532.041.038</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	307.092.294			260.608.962
<b>Cộng</b>	<b>84.329.566.917</b>			<b>84.283.083.585</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 284.850.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Chi phí mua bản quyền phần mềm	94.641.819	68.500.000
<b>Cộng</b>	<b>94.641.819</b>	<b>68.500.000</b>

**11. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	ngàn đồng	ngàn đồng	ngàn đồng	ngàn đồng	ngàn đồng	ngàn đồng
- Công ty con	539.180.000	539.180.000	-	431.180.000	431.180.000	-
<b>Cộng</b>	<b>539.180.000</b>	<b>539.180.000</b>	<b>-</b>	<b>431.180.000</b>	<b>431.180.000</b>	<b>-</b>

**Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ vốn góp theo thực tế	Giá trị đầu tư đến ngày 30/6/2021
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ	(11.1) 6.700.000	98,53%	67.000.000.000
- Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang	(11.2) 3.650.000	73,00%	36.500.000.000
- Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	(11.3) 22.200.000	96,52%	327.680.000.000
- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	(11.4) 10.800.000	90,00%	108.000.000.000
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	(11.5) 5.700.000	95,00%	-
<b>Cộng</b>			<b>539.180.000.000</b>

(11.1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311016926 ngày 03/6/2019, Công ty CP City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty CP ô tô Phú Mỹ là 67 tỷ đồng, tương đương 98,53% vốn điều lệ. Tại ngày 30/6/2021, Công ty đã đầu tư 67 tỷ đồng, tương đương 98,53% vốn điều lệ.

(11.2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201649218 ngày 08/10/2019, Công ty CP City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty CP ô tô Nha Trang là 36,5 tỷ đồng, tương đương 73% vốn điều lệ. Tại ngày 30/6/2021, Công ty đã đầu tư 36,5 tỷ đồng, tương đương 73% vốn điều lệ.

(11.3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313964193 ngày 20/4/2020, Công ty Cổ phần City Auto đã nhận chuyển nhượng 22.200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh từ các cổ đông với tổng giá trị chuyển nhượng là 327.680.000.000 đồng, tương đương 96,52% vốn điều lệ.

(11.4) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316681972 ngày 19/01/2021, Công ty CP City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty CP Auto Tân Thuận là 108 tỷ đồng, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày 30/6/2021, Công ty đã đầu tư 108 tỷ đồng, tương đương 90% vốn điều lệ.

(11.5) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502405823 ngày 19/9/2019, Công ty CP City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty CP City Auto Vũng Tàu là 57 tỷ đồng, tương đương 95% vốn điều lệ. Tại ngày 30/6/2021, Công ty đã đầu tư 0 đồng, tương đương 0% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn thiếu cần phải đầu tư vào Công ty CP City Auto Vũng Tàu là 57 tỷ đồng.

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước, ngoại trừ Công ty CP City Auto Vũng Tàu và Công ty CP Auto Tân Thuận đang trong giai đoạn triển khai đầu tư, xây dựng cơ bản và chưa đi vào hoạt động kinh doanh chính thức.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

MẪU B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	4.835.703.636	4.835.703.636	8.057.344.933	8.057.344.933
- Công ty CP Easy Car	21.936.364.864	21.936.364.864	-	-
- Công ty TNHH Minh Long	951.109.600	951.109.600	878.980.800	878.980.800
- Công ty CP ô tô Nha Trang	-	-	1.829.000.000	1.829.000.000
- Các đối tượng khác	2.153.496.547	2.153.496.547	2.958.657.713	2.958.657.713
<b>Cộng</b>	<b>29.876.674.647</b>	<b>29.876.674.647</b>	<b>13.723.983.446</b>	<b>13.723.983.446</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	6.875.864.938	8.462.781.610
<b>Cộng</b>	<b>6.875.864.938</b>	<b>8.462.781.610</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu từ Nhà nước**

a) Phải nộp	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	Số cuối kỳ
	Số đầu năm			
- Thuế GTGT phải nộp	259.414.636	95.538.167.944	95.623.113.788	174.468.792
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	665.808.184	-	665.808.184
- Thuế thu nhập cá nhân	245.540.632	941.612.910	1.037.734.292	149.419.250
- Thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>504.955.268</b>	<b>97.154.589.038</b>	<b>96.669.848.080</b>	<b>989.696.226</b>
b) Phải thu	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	Số cuối kỳ
	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	227.645.712	1.102.511.954	227.645.712	1.102.511.954
<b>Cộng</b>	<b>227.645.712</b>	<b>1.102.511.954</b>	<b>227.645.712</b>	<b>1.102.511.954</b>

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam	501.074.041	821.777.990
- Trích trước chi phí lãi vay	304.879.249	211.060.747
- Chi phí phải trả khác	1.316.816.386	840.165.386
<b>Cộng</b>	<b>2.122.769.676</b>	<b>1.873.004.123</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>16. Các khoản phải trả khác</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	406.698.021	-
- Tài sản thừa chờ xử lý ở kho Hồ Chí Minh	449.682.532	449.682.532
- Chi hộ hỗ trợ bán hàng từ Công ty Ford Việt Nam	1.706.240.054	1.931.240.054
- Phải trả Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	1.807.655.887	2.243.367.810
- Phải trả Ông Trần Ngọc Dân (Bên liên quan)	109.339.623	358.919.623
- Phải trả Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (Bên liên quan)	56.572.000	56.572.000
- Phải trả Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (Bên liên quan)	28.286.000	28.286.000
- Phải trả cổ tức	9.065.000	9.065.000
- Các khoản phải trả khác	2.104.665.920	2.018.738.324
<b>Cộng</b>	<b>6.678.205.037</b>	<b>7.095.871.343</b>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải trả Ông Bùi Đức Thọ	-	100.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000.000</b>

17. Vay và nợ thuê tài chính		Số đầu năm	Trong kỳ		Số cuối kỳ
		Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>					
- NH Bảo Việt	(17.1)	53.127.968.000	157.703.800.000	141.944.103.941	68.887.664.059
- NH Ngoại thương	(17.2)	73.804.780.000	184.668.182.000	172.837.202.000	85.635.760.000
- NH Đầu tư và Phát triển	(17.3)	136.299.745.982	251.337.586.361	243.167.546.763	144.469.785.580
- NH Công thương	(17.4)	-	4.049.664.000	466.192.000	3.583.472.000
- NH Quốc tế		36.880.879.500	57.581.731.500	94.462.611.000	-
- NH VN Thịnh Vượng		417.544.500	56.514.241.500	56.931.786.000	-
<b>Cộng</b>		<b>300.530.917.982</b>	<b>711.855.205.361</b>	<b>709.809.441.704</b>	<b>302.576.681.639</b>

(17.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0250-2020-HDĐTĐ1-BVB003 ngày 17/8/2020 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay.

(17.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0378/TĐ4/20LD ngày 4/8/2020 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/7/2021, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp.HCM được quy định cụ thể tại các hợp đồng thế chấp kèm theo.

(17.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 90/2021/11402179/HDĐTĐ ngày 22/6/2021 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức đến ngày 22/6/2022; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc bất động sản hoặc tiền gửi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

(17.4) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT906-CTF ngày 22/3/2021 với tổng hạn mức vay là 35 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

**18. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Số dư đầu năm	2.428.401.264	2.674.464.264
Giảm do chi quỹ	(124.842.160)	(227.840.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.303.559.104</b>	<b>2.446.624.264</b>

**19. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	01/01/2020	Tăng	Giảm	30/6/2020
- Vốn góp của chủ sở hữu	455.399.680.000	-	-	455.399.680.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	3.152.481.800	-	-	3.152.481.800
- LNST chưa phân phối	35.959.441.616	2.377.714.223	-	38.337.155.839
<b>Cộng</b>	<b>494.511.603.416</b>	<b>2.377.714.223</b>	-	<b>496.889.317.639</b>
	01/01/2021	Tăng	Giảm	30/6/2021
- Vốn góp của chủ sở hữu	455.399.680.000	227.600.320.000	-	683.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	3.152.481.800	-	-	3.152.481.800
- LNST chưa phân phối	54.361.186.929	21.878.665.799	-	76.239.852.728
<b>Cộng</b>	<b>512.913.348.729</b>	<b>249.478.985.799</b>	-	<b>762.392.334.528</b>

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	54.361.186.929	35.959.441.616
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	21.878.665.799	2.377.714.223
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>76.239.852.728</b>	<b>38.337.155.839</b>

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 13 ngày 04/3/2021 là 683.000.000.000 đồng tương đương 68.300.000 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.300.000	45.539.968
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	68.300.000	45.539.968
+ Cổ phiếu phổ thông	68.300.000	45.539.968
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	68.300.000	45.539.968
+ Cổ phiếu phổ thông	68.300.000	45.539.968
<b>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</b>	<b>10.000 đồng/cp</b>	<b>10.000 đồng/cp</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu B09a - DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Đơn vị tính: VNĐ

20. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
a) <b>Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng hoá	875.522.817.025	747.620.122.743
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	70.801.607.682	62.095.685.269
<b>Cộng</b>	<b>946.324.424.707</b>	<b>809.715.808.012</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Hàng bán bị trả lại	-	-
Chiết khấu thương mại	-	38.272.727
<b>Cộng doanh thu thuần</b>	<b>946.324.424.707</b>	<b>809.677.535.285</b>
<b>Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán xe	866.226.617.433	739.564.818.186
Doanh thu bán phụ tùng	9.296.199.592	8.017.031.830
Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.974.901.979	60.875.147.904
Doanh thu khác	2.826.705.703	1.220.537.365
<b>Cộng</b>	<b>946.324.424.707</b>	<b>809.677.535.285</b>
b) <b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
- Công ty CP Ô tô Phú Mỹ	41.437.019.816	4.352.862.818
- Công ty CP Ô tô Nha Trang	1.717.963.636	7.708.000
<b>Cộng</b>	<b>43.154.983.452</b>	<b>4.360.570.818</b>
	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>
<b>2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Giá vốn xe đã bán	829.319.371.054	720.778.103.606
- Giá vốn hàng hóa đã bán	8.675.120.138	6.910.880.504
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	39.250.474.519	35.437.320.824
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)	-	(825.814.245)
<b>Cộng</b>	<b>877.244.965.711</b>	<b>762.300.490.689</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính**Đơn vị tính: VND*

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	8.124.768	6.745.456
- Lãi từ khoản ký quỹ	4.028.034.264	832.593.088
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.426.634.000	17.165.949.910
<b>Cộng</b>	<b>12.462.793.032</b>	<b>18.005.288.454</b>
<b>4. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
- Chi phí lãi vay	8.474.683.423	11.440.068.244
<b>Cộng</b>	<b>8.474.683.423</b>	<b>11.440.068.244</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân viên	19.086.572.057	14.617.884.789
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.141.517.164	1.197.572.095
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.513.994.841	2.598.857.731
- Chi phí hoa hồng bán hàng, khuyến mãi, hàng tặng	11.478.709.348	8.979.948.176
- Chi phí bằng tiền khác	5.413.695.620	7.334.375.016
<b>Cộng</b>	<b>39.634.489.030</b>	<b>34.728.637.807</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	6.587.453.922	5.027.715.572
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	303.896.055	584.567.524
- Chi phí khấu hao TSCĐ	605.479.602	789.682.860
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.753.633.190	9.368.984.479
- Chi phí bằng tiền khác	1.870.736.259	1.465.660.499
<b>Cộng</b>	<b>17.121.199.028</b>	<b>17.236.610.934</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	-	138.043.229
- Thu từ các chương trình thưởng từ Ford Việt Nam	2.362.322.510	215.483.637
- Xử lý công nợ lâu năm	4.021.532.519	
- Thu nhập khác	277.131.163	115.103.634
<b>Cộng</b>	<b>6.660.986.192</b>	<b>468.630.500</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

MẪU B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
<b>8. Chi phí khác</b>		
- Lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định	8.706.456	-
- Chi phí phạt nộp chậm thuế	252.636.746	65.988.263
- Chi phí khác	167.049.554	1.944.079
<b>Cộng</b>	<b>428.392.756</b>	<b>67.932.342</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.544.473.983	2.377.714.223
Trừ: Thu nhập chưa chịu thuế kỳ này	(10.788.799.065)	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(8.426.634.000)	(17.165.949.910)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>3.329.040.918</b>	<b>(14.788.235.687)</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải nộp ước tính kỳ này</b>	<b>665.808.184</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>665.808.184</b>	<b>-</b>
<b>10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	877.244.965.711	762.300.490.689
- Chi phí nhân công	25.674.025.979	19.645.600.361
- Chi phí khấu hao	1.759.282.220	2.000.754.949
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.267.628.031	11.967.842.210
- Chi phí khác	19.054.751.828	18.351.051.221
<b>Cộng</b>	<b>934.000.653.769</b>	<b>814.265.739.430</b>

**VII. Những thông tin khác****1. Thông tin về các bên liên quan****a/ Các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con
Công ty CP Auto Tân Thuận	Công ty con
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

**b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan**

Trong kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

**1. Bên liên quan là pháp nhân**

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	41.437.019.816
		Mua hàng hóa	43.983.059.476
		Cổ tức được chia	4.596.200.000
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	1.717.963.636
		Góp vốn	5.883.363.637
		Cổ tức được chia	208.050.000
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	2.749.000
		Mua hàng hóa	3.518.181.819
		Cổ tức được chia	3.622.384.000
Công ty CP Auto Tân Thuận	Công ty con	Góp vốn	108.000.000.000
		Bán hàng hóa và dịch vụ	113.296.149.642
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Bên liên quan	Mua hàng hóa	134.354.189.471
		Nhận dịch vụ cung cấp	667.797.824
		Cung cấp dịch vụ	2.153.677.845

**2. Bên liên quan là các thành viên quản lý**

Bên liên quan	Nội dung	Số tiền
Ông Trần Ngọc Dân	Thù lao Hội đồng quản trị	90.000.000
Ông Trần Lâm	Thù lao Hội đồng quản trị	30.000.000
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thù lao Hội đồng quản trị	30.000.000
Ông Lê Minh Tâm	Thù lao Hội đồng quản trị	30.000.000
Ông Trần Trung Chánh	Thù lao Hội đồng quản trị	30.000.000
Bà Lê Thị Thương Thương	Thù lao Ban Kiểm soát	18.000.000
Bà Phạm Thị Mỹ Dung	Thù lao Ban Kiểm soát	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thù lao Ban Kiểm soát	18.000.000
Ông Trần Trung Chánh	Lương của Ban Tổng Giám đốc	255.263.000
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Lương của Ban Tổng Giám đốc	518.990.000
Ông Trần Ngọc Dân	Lương của Chủ tịch HĐQT	162.000.000

**c/ Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:**

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Bên liên quan	Phải thu	41.426.266.995
		Trả trước người bán	15.246.957.984
		Phải thu khách hàng	20.670.523.524
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Phải thu khác	2.200.548.742
		Phải trả khác	56.572.000
		Phải thu cổ tức	4.596.200.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Phải thu khách hàng	7.264.162.587
		Phải thu khác	1.650.008.571
		Phải thu cổ tức	208.050.000
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con	Phải thu cổ tức	3.622.384.000
		Phải thu khác	11.497.000.000
		Phải trả khác	28.286.000
Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT	Phải trả	109.339.623
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Phải trả	1.807.655.887

**2. Thông tin về Báo cáo bộ phận**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh xe, bộ phận dịch vụ sửa chữa, bộ phận kinh doanh phụ tùng, phụ kiện.

**a. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2021**

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
Doanh thu thuần	866.226.617.433	70.801.607.682	9.296.199.592	946.324.424.707
Giá vốn hàng bán	829.319.371.054	39.250.474.519	8.675.120.138	877.244.965.711
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>36.907.246.379</b>	<b>31.551.133.163</b>	<b>621.079.454</b>	<b>69.079.458.996</b>
Tài sản bộ phận	74.429.084.105	7.003.230.351	16.354.121.340	97.786.435.796
Tài sản không phân bổ				1.018.848.908.898
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.116.635.344.694</b>
Nợ phải trả không phân bổ				354.243.010.166
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>354.243.010.166</b>

**b. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2020**

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
Doanh thu thuần	739.564.818.186	62.095.685.269	8.017.031.830	809.677.535.285
Giá vốn hàng bán	720.778.103.606	35.437.320.824	6.085.066.259	762.300.490.689
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>18.786.714.580</b>	<b>26.658.364.445</b>	<b>1.931.965.571</b>	<b>47.377.044.596</b>
Tài sản bộ phận	68.333.368.187	6.626.651.242	16.999.470.951	91.959.490.380
Tài sản không phân bổ				818.211.367.784
<b>Tổng tài sản</b>				<b>910.170.858.164</b>
Nợ phải trả không phân bổ				413.281.540.525
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>413.281.540.525</b>

**3. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Không có bất kỳ yếu tố nào làm ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của đơn vị cần phải giải thích.


**4. Số liệu so sánh**

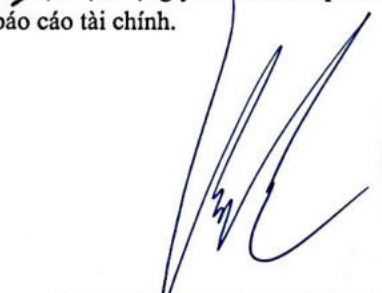
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) soát xét cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020.

**5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**


Công ty đang thực hiện các thủ tục phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 nhằm tăng vốn điều lệ, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 32/2021/NQ-ĐHĐCĐ-CTF ngày 26/6/2021. Theo đó, tỷ lệ trả cổ tức năm 2019 tạm tính là 6% vốn điều lệ, tương ứng là 40.980.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

  
Trương Thị Hồng Vân  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 8 năm 2021

  
Lê Thị Phú  
Kế toán trưởng



  
Trần Ngọc Dân  
Người đại diện theo pháp luật